BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ NGOẠI GIAO**

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

CHIẾN LƯỢC "TRỖI DẬY HÒA BÌNH" CỦA TRUNG QUỐC VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN AN NINH KHU VỰC ĐÔNG NAM Á ĐẦU THẾ KỈ XXI

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 62 31 02 06

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ

Hà Nội - 2016

Công trình được hoàn thành tại: Học viện Ngoại giao

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Nguyễn Thái Yên Hương

Phản biện 1: PGS.TS. Vũ Dương Huân
Học viện Ngoại giao

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Thị Quế
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Phản biện 3: PGS.TS. Trần Thiện Thanh
Đại học Khoa học xã hội và nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
Họp tại Học viện Ngoại giao
Vào hồi giờ ngày tháng 10 năm 2016

Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Học viện Ngoại giao, Thư viện Quốc gia.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Luận án này được hình thành và thực hiện với bốn lý do chính sau. *Thứ nhất*, một trong những hiện tượng được nói đến nhiều nhất ở Châu Á – Thái Bình Dương sau Chiến tranh lạnh là sự trỗi dậy mạnh mẽ và ngoạn mục của một nước Trung Quốc đầy tham vọng. *Thứ hai*, lý luận về "trỗi dậy hòa bình" được các nhà lãnh đạo Trung Quốc đưa ra với mục đích muốn chứng tỏ với thế giới rằng, Trung Quốc sẽ không theo con đường thách thức trật tự thế giới, mà đi theo con đường phát triển hợp tác, cùng có lợi, cùng thắng lợi, là đối tác xây dựng chứ không phải là kẻ thách thức hoặc phá hoại đối với hệ thống hiện hành. *Thứ ba*, khác với những gì Trung Quốc đã và đang tuyên bố về "trỗi dậy hòa bình", trước một loạt những hành động leo thang trong tranh chấp ở Biển Đông với một số quốc gia trong khu vực, Trung Quốc đã thường xuyên tăng cường chi phí quốc phòng, đơn phương xây dựng trái phép đảo nhân tạo ở Biển Đông đã làm phức tạp hóa tình hình an ninh của khu vực. *Thứ tư*, việc tìm hiểu, làm rõ về mục tiêu và phương thức triển khai chiến lược "trỗi dậy hòa bình" của Trung Quốc tác động như thế nào đến an ninh khu vực Đông Nam Á sẽ đem đến những kết quả quan trong về lý luận lẫn thực tiễn từ góc nhìn lợi ích của Việt Nam.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Quá trình trỗi dậy hòa bình của Trung Quốc và tác động đến tình hình an ninh khu vực Đông Nam Á đầu thế kỉ XXI là một trong những vấn đề đang thu hút sự quan tâm sâu sắc của các nhà nghiên cứu quan hệ quốc tế trong thời gian gần đây. Khảo sát tư liệu về các bài viết và công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước liên quan đến sự trỗi dậy của Trung Quốc có thể chia thành ba cách tiếp cận khác nhau: Thứ nhất,

đã có một số học giả trong nước và quốc tế nghiên cứu về sự trỗi dậy của Trung Quốc, trong đó có thể kể đến các tác phẩm đã được nghiên cứu tại Trung Quốc như là: Nguyễn Tông Trạch (2007), Sự trỗi dậy của Trung Quốc và sự thay đổi trật tự quốc tế ở Đông Á, NXB Đại học Bắc Kinh; Dương Thủ Minh (2008), Thuyết trỗi dậy hòa bình của Trung Quốc, NXB Nhân dân An Huy; Dương Chí Cường, Cát Kiến Hùng (2001), với "Sự thịnh suy của các vương triều Trung Quốc"; Hồ An Cương (2007), với " Con đường trỗi dậy của Trung Quốc"; Môn Hồng Hoa (2005), với "Khuôn khổ hình thành Đại chiến lược Trung Quốc"; Vương Phàm (2010), Chiến lược nước lớn hòa bình của Trung Quốc, Tạp chí Đương Đại… Ở Phương Tây, cũng đã có nhiều học giả nghiên cứu về sự trỗi dậy của Trung Quốc, trong đó có một số công trình sách nghiên cứu về sự trỗi dậy của Trung Quốc bằng tiếng Anh có thể kể đến như là: China's rise: Challenges and Oppunities của các tác giả C. Fried Bergsten, Charles Freeman, Nicholas R.Lardy, Derek J. Mitchell; The rise of China and the logic of strategy của tác giả Edward Lottwak; China's "peaceful rise" in the 21th century: domestic and international của tác giả Sujian Guo hay tác phẩm China's peaceful rise in a global context, a domestic aspect of china's road của tác giả Jinghao Zhou.

Bên cạnh đó ở Việt Nam, có một số công trình đáng chú ý nghiên cứu về quá trình trỗi dậy của Trung Quốc như: Tuyển tập một số công trình nghiên cứu về sự trỗi dậy của Trung Quốc và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam được nghiên cứu bởi Viện nghiên cứu Trung Quốc; Phạm Sao Mai, *Nội hàm chiến lược phát triển hòa bình của Trung Quốc*, Tạp chí nghiên cứu quốc tế số 84 năm 2011. Ngoài ra hiện tại ở Việt Nam cũng có 02 cuốn sách dịch có tựa đề là: "Trung Quốc trỗi dậy hòa bình" của hai tác giả Giang Tây Nguyên và

Hạ Lập Bình và được Nhà xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản năm 2007 và 2008 do dịch giả Dương Danh Dy biên dịch.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của Luận án là tập trung nghiên cứu, phân tích quá trình hình thành và triển khai chiến lược "trỗi dậy hòa bình" của Trung Quốc và làm rõ những tác động của chiến lược đó đối với an ninh khu vực Đông Nam Á. Để đạt được mục tiêu này, nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án bao gồm: (i) Làm rõ về mục tiêu, phương thức triển khai chiến lược "trỗi dậy hòa bình của Trung Quốc; (ii) Đánh giá về những tác động trong quá trình triển khai chiến lược "trỗi dậy hòa bình" của Trung Quốc đến an ninh khu vực Đông Nam Á và từ đó thấy được những mâu thuẫn trong lời nói và hành động trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc; (iii) Đưa ra những dự báo về chiều hướng tác động của chiến lược "trỗi dậy hòa bình" của Trung Quốc đối với khu vực trong thời gian tới và kiến nghị chính sách cho Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chính của Luận án là chiến lược "trỗi dậy hòa bình" của Trung Quốc và tác động đến an ninh khu vực Đông Nam Á.

Về phạm vi nghiên cứu, Luận án chủ yếu nghiên cứu chiến lược "trỗi dậy hòa bình" của Trung Quốc đối với các nước Đông Nam Á trong khoảng thời gian từ đầu thế kỉ XXI đến nay, trong đó có thời điểm mà Trung Quốc đưa ra khái niệm "trỗi dậy hòa bình". Ngoài ra để làm rõ hơn về quá trình trỗi dậy của Trung Quốc, trong đề tài cũng sẽ đề cập đến những tiền đề lịch sử, tư tưởng của các nhà lãnh đạo, nhà tư tưởng của Trung Quốc trước đó khi đề cập đến vấn đề "trỗi dậy hòa bình".

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế và phương pháp tiếp cận lịch sử và logic. Ngoài ra các phương pháp khác như dự báo, phân tích, tổng hợp và so sánh được sử dụng để bổ trợ cần thiết cho ba phương pháp trên.

6. Những đóng góp của luận án

(i) Luận án góp phần làm rõ cơ sở lý luận và mục tiêu, phương thức thực hiện của chiến lược "trỗi dậy hòa bình" của Trung Quốc; (ii) Luận án đã chỉ ra được những tác động của sự trỗi dậy của Trung Quốc đến tình hình an ninh khu vực Đông Nam Á để từ đó thấy được sự mâu thuẫn giữa lời nói và hành động trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc; (iii) Luận án là tài liệu tham khảo cho nghiên cứu và giảng dạy về chính sách đối ngoại của Trung Quốc nói chung và quan hệ Trung Quốc – ASEAN nói riêng.

7. Bố cục của luận án

Luận án gồm có 3 chương: i) "Cơ sở và nội dung của chiến lược "trỗi dậy hòa bình" của Trung Quốc", ii) "Những thách thức đối với an ninh khu vực Đông Nam Á trước chiến lược "trỗi dậy hòa bình" của Trung Quốc", iii) "Chiều hướng tác động của chiến lược "trỗi dậy hòa bình" đối với khu vực và Việt Nam trong tương lai".

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ VÀ NỘI DUNG CỦA CHIẾN LƯỢC “TRỖI DẬY HÒA BÌNH” CỦA TRUNG QUỐC

1.1. Cơ sở lịch sử

Chủ đề "trỗi dậy hòa bình" mà hiện nay, vì nhiều lý do nên thường được gọi thành “phát triển hòa bình" tuy gần đây mới được Trung Quốc đề cập nhiều song trên thực tế không phải là vấn đề mới. Trong các học thuyết, tư tưởng triết học cổ đại và các triều đại phong kiến Trung Quốc sau này đều đề cập tới nội dung phát triển và hòa bình. Trung Quốc là một trong những nước có bề dày lịch sử từ xa xưa, có truyền thống văn hiến lâu đời. Lịch sử Trung Quốc cho thấy, việc thay đổi triều đại phần lớn đều được thực hiện bằng vũ lực. Vũ lực đem lại thống nhất đất nước, từ đó phát triển cường thịnh. Đây là quy luật tất yếu. Nhà Tần tiêu diệt 6 nước, lần đầu tiên thống nhất đất nước, củng cố ý thức đoàn kết của dân tộc Trung Hoa. Nhà Đông Hán và Tây Hán mở rộng bờ cõi, thần phục một số đông các nước lân bang trở thành kẻ "cống nộp" của mình. Nhà Đường phế truất nhà Tuỳ, đưa Trường An trở thành một đô thị phồn thịnh, thu hút đông đảo người nước ngoài tới đây giao lưu, buôn bán… Tuy nhiên, sử dụng vũ lực để thành lập đất nước đã khó, nhưng dùng vũ lực để giữ được sự cường thịnh lâu dài thì càng khó khăn. Hơn nữa, những triều đại đã từng hưng thịnh một thời, theo quy luật của lịch sử, đều đi đến suy vong. Do vậy, để tìm ra con đường tối ưu để đưa đất nước nhanh chóng cường thịnh và phồn vinh lâu dài, các nhà hoạch định chiến lược của Trung Quốc đã không lãng quên các bài học lịch sử của đất nước mình.

1.2. Cơ sở thực tiễn hình thành chiến lược “trỗi dậy hòa bình”

Chủ đề “trỗi dậy hòa bình” tuy gần đây mới được Trung Quốc đề cập nhiều song trên thực tế không phải là vấn đề mới. Tháng 10/2003, tại Diễn đàn Bác Ngao, Giáo sư Trịnh Tất Kiên (Zheng Bijian) nguyên Phó Hiệu trưởng thường trực Trường Đảng Trung Quốc, đại diện cho giới học giả Trung Quốc đã phát biểu công khai về lý luận "trỗi dậy hòa bình", nhấn mạnh "sự trỗi dậy hòa bình” của Trung Quốc là bộ phận của sự trỗi dậy hòa bình của Châu Á với mục đích chính là nhằm giải tỏa các nghi ngờ của Mỹ và phương Tây về "mối đe dọa Trung Quốc". Trịnh Tất Kiên tuyên bố Trung Quốc sẽ nắm lấy con đường mới “trỗi dậy hòa bình” hoàn toàn khác với Đức, Nhật và Liên Xô.

Song trước phản ứng của dư luận quốc tế và trong nước, Trung Quốc có sự điều chỉnh, tránh đề cập đến khái niệm "trỗi dậy hòa bình" và thay bằng "phát triển hòa bình". Nhìn chung, lý luận “phát triển hoà bình” và lý luận “trỗi dậy hoà bình” không có sự khác biệt nhiều, nó vẫn kế thừa lý luận trỗi dậy nước lớn, nhưng sự thay đổi từ “trỗi dậy hoà bình” sang “phát triển hoà bình” mang ý nghĩa là Trung Quốc muốn kéo dài thời gian phát triển và muốn có phát triển liên tục; Đảm bảo không để các nước lo ngại Trung Quốc sẽ phá vỡ sự cân bằng quốc tế, nhất là trong chính trị quốc tế; Trung Quốc có thể sánh vai cùng các cường quốc hiện nay; Khẳng định địa vị và trách nhiệm quốc tế của Trung Quốc.

1.3. Mục tiêu của “trỗi dậy hòa bình” của Trung Quốc

1.3.1. Xóa bỏ “thuyết đe đe dọa” nhằm vào Trung Quốc

Trong lịch sử phát triển của các quốc gia từ thời cận đại đến nay, thông thường sự trỗi dậy của một quốc gia sẽ dẫn đến sự xáo trộn, thậm chí dẫn tới sự thay đổi trật tự thế giới. Bài học lịch sử cho thấy,

các quốc gia trỗi dậy thường thông qua con đường quân sự, hay dùng sức mạnh cứng để đạt được lợi ích của mình.

Nhiều học giả phương Tây, đặc biệt là những học giả theo trường phái chủ nghĩa hiện thực cho rằng sự trỗi dậy của Trung Quốc sẽ dẫn tới sự thách thức của Trung Quốc đối với hiện trạng chính trị quốc tế, Mỹ và lợi ích của các nước khác và trật tự quốc tế, tạo ra mối đe dọa đến ổn định khu vực châu Á Thái Bình Dương và thế giới, dẫn đến những xung đột trong trật tự giữa Trung Quốc với quốc tế mà đặc biệt là Mỹ. Chính vì vậy, khi đề cập tới "phát triển hòa bình", Trung Quốc muốn nhấn mạnh quá trình trỗi dậy trong tương lai của mình sẽ không như các nước phương Tây, đi can thiệp vào công việc nội chính của các nước khác, mà muốn xây dựng hình tượng hòa bình trong quá trình trỗi dậy

1.3.2. Kiến tạo hình ảnh một cường quốc mới nổi thân thiện, có trách nhiệm

Thực tế việc Trung Quốc tuyên bố khẩu hiệu "trỗi dậy hòa bình", "phát triển hòa bình" là nhằm giảm thiểu mối lo ngại và nghi kỵ từ các quốc gia khác. Đó được xem là một biện pháp ngoại giao khôn ngoan của các nhà lãnh đạo Trung Quốc để thực hiện các mục tiêu lâu dài của mình. Đối với thế giới bên ngoài, Trung Quốc dùng "mỹ từ" như xây dựng "thế giới hòa bình" mà theo các nhà lãnh đạo Trung Quốc, đó là một thế giới trong đó không một quốc gia hay một nền văn minh nào có vai trò chi phối, khuyến khích sự cạnh tranh tích cực và bổ trợ lẫn nhau trong điều kiện công bằng, đồng thời tôn trọng các chuẩn mực cơ bản trong quan hệ quốc tế và luật pháp quốc tế theo nguyên tắc: "Thế giới hài hòa" là thế giới hòa bình lâu dài và phồn vinh chung, là thế giới tốt đẹp mà giữa con người chung sống hài hòa với tự nhiên và là thế giới dân chủ, hòa thuận, công bằng và bao dung

1.3.3. "Phục hưng" Trung Quốc

Mục tiêu củaTrung Quốc khi thực hiện chiến lược "trỗi dậy hòa bình" là nhằm chấn hưng dân tộc Trung Hoa. Trung Quốc muốn khôi phục vị thế một "siêu cường" ở phương Đông trong quá khứ mà chỉ có thông qua con đường "trỗi dậy", "phát triển" Trung Quốc mới có thể thực hiện được. Trung Quốc nhấn mạnh việc năm 2049 là thời gian hạn định để hoàn thành việc chấn hưng toàn diện dân tộc Trung Hoa, vừa vặn 100 năm thành lập nước CHND Trung Hoa

1.3.4. Tìm kiếm nguồn tài nguyên bổ sung cho phát triển của Trung Quốc

Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa biến Trung Quốc trở thành nước tiêu dùng hàng đầu thế giới về nhôm, đồng, chì, nikel, kẽm, thiếc và quặng sắt. Về an ninh năng lượng, do được mệnh danh là công xưởng của thế giới, nhu cầu về dầu lửa Trung Quốc trong thời gian qua và sắp tới đây ngày càng trở nên gay gắt trong bối cảnh trữ lượng năng lượng tính theo đầu người như dầu thô, than, khí đốt thiên nhiên đang ngày càng giảm. Bắt đầu từ năm 1993, Trung Quốc đã phải nhập khẩu dầu khí. Để giải quyết vấn đề này, Trung Quốc đã tập trung thúc đẩy hợp tác với các nước, cũng như tìm nhiều biện pháp để giảm bớt căng thẳng và thực hiện đa dạng hóa thị trường nhập khẩu năng lượng để phục vụ cho mục tiêu trỗi dậy của Trung Quốc.

1.4. Các phương thức thực hiện chiến lược "trỗi dậy hòa bình"

1.4.1.Mở rộng quan hệ ngoại giao

Trong bối cảnh tình hình quốc tế và khu vực có nhiều thay đổi, Trung Quốc đã có sự thay đổi trong chính sách ngoại giao láng giềng. Trung Quốc đã nhận thức được việc phát triển quan hệ hữu nghị hợp tác với các nước láng giềng là điều kiện cần thiết cho hiện đại hóa và thực hiện chiến lược "trỗi dậy hòa bình" của mình. Chính sách cụ thể

của Trung Quốc được tiến hành khôn khéo và uyển chuyển với phương châm "An Tây, dựa Bắc, tranh Đông Nam". Đồng thời, Trung Quốc đã khéo léo khi luôn thể hiện là một nước tham gia tích cực, hăng hái ủng hộ việc tham gia hợp tác khu vực, né tránh trở thành lực lượng chủ đạo khi hợp tác, luôn nhấn mạnh địa vị chủ đạo của ASEAN trong hợp tác khu vực, ủng hộ chủ nghĩa khu vực và chủ nghĩa đa phương theo "phương thức ASEAN", mặc dù trên thực tế, Trung Quốc muốn khống chế định hướng tổ chức này phục vụ cho lợi ích của Trung Quốc. Trung Quốc tiến hành xác lập quan hệ đối tác với các cường quốc như Nga, Mỹ, Nhật, Ấn Độ, EU để tranh thủ các nước này cho sự phát triển kinh tế trong nước và tận dụng những điều kiện thuận lợi cho sự trỗi dậy của Trung Quốc.

1.4.2. Tăng cường hợp tác kinh tế

Từ khi tiến hành cải cách mở cửa năm 1978, Trung Quốc luôn coi việc phát triển kinh tế là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để giải quyết các vấn đề trong nước và quốc tế. Để tham gia sâu hơn vào nền kinh tế thế giới, Trung Quốc tăng cường các hình thức trao đổi kinh tế thương mại với bên ngoài như ODA, đầu tư, và tham dự sâu hơn vào các tổ chức kinh tế toàn cầu. Về đầu tư ra bên ngoài, với nguồn vốn khá dồi dào và kinh nghiệm đã tích lũy được trong sản xuất để xuất khẩu, Trung Quốc đang xúc tiến đầu tư ra nước ngoài khá rầm rộ. Đầu tư ra nước ngoài được Chính phủ Trung Quốc điều hành một cách có tổ chức, có bước đi để thúc đẩy các doanh nghiệp Trung Quốc đưa những thiết bị, kỹ thuật đến những nước châu Á, châu Phi để xây dựng nhà máy. Với chính sách đầu tư cụ thể vào các khu vực quan trọng, Trung Quốc đang làm thay đổi nhận thức của nhiều nước đối với Trung Quốc, tranh thủ được sự tín nhiệm của những nước này,

dẫn đến ảnh hưởng quyền lực của Trung Quốc trên thế giới ngày càng tăng, phù hợp với những lợi ích quốc gia của Trung Quốc.

1.4.3. Đẩy mạnh triển khai sức mạnh mềm trên thế giới

Có thể nói, vận dụng sức mạnh mềm là một trong những phương thức thực hiện chiến lược "trỗi dậy hòa bình" rất quan trọng và được triển khai có thể coi là khá thành công, tạo ấn tượng Trung Quốc và nền văn hóa của nước này ngày càng trở nên hấp dẫn hơn đối với công chúng nước ngoài. Một số nhà nghiên cứu chỉ ra rằng bên cạnh việc gia tăng quyền lực kinh tế và quân sự, củng cố quyền lực mềm là nhân tố quan trọng tăng ảnh hưởng của nước này tại khu vực.Trong tiến trình đưa văn hóa ra bên ngoài, Trung Quốc đã cố gắng cụ thể hóa ở hai vai trò chính: thứ nhất, ở góc độ chính sách, các hoạt động ngoại giao văn hóa được áp dụng như công cụ quảng bá và đảm bảo với thế giới rằng "mô hình phát triển Trung Quốc" được thực hiện thông qua con đường hòa bình, qua đó làm "giảm đi sự lo ngại đối với sự trỗi dậy Trung Quốc và giảm bớt lo ngại từ bên ngoài"; thứ hai, các hoạt động ngoại giao văn hóa được sử dụng nhằm tạo dựng và nâng cao vị thế Trung Quốc như là một nước lớn gần gũi, thân thiện.

1.4.4. Thúc đẩy hợp tác về an ninh

Sự kết thúc của chiến tranh lạnh đã dẫn tới thay đổi mạnh mẽ của môi trường quốc tế, cũng như cách nhìn nhận, đánh giá về cục diện thế giới, xu thế, trào lưu phát triển và các chính sách ngoại giao, an ninh của Trung Quốc. Do đó, Trung Quốc đã có sự điều chỉnh chính sách về an ninh, cụ thể là: *Thứ nhất*, chuyển biến từ quan niệm an ninh quân sự truyền thống sang quan niệm tăng cường hợp tác an ninh tổng hợp. *Thứ hai*, quan niệm an ninh mới cũng đề cập tới việc trong hợp tác giữa các nước với nhau cần tôn trọng nguyên tắc quan hệ quốc tế về chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không xâm phạm lẫn nhau, không can

thiệp vào công việc nội bộ, bình đẳng, cùng có lợi, 5 nguyên tắc cùng chung sống hòa bình. *Thứ ba*, khái niệm an ninh mới của Trung Quốc có thể được hiểu như là một tuyên bố muốn làm chống lại cơ chế an ninh được thực hiện do Mỹ chủ đạo tại khu vực cũng như phản đối hành vi "bá quyền. *Thứ tư*, trong các mối quan hệ song phương, Trung Quốc nhấn mạnh đến quan hệ song phương giữa các quốc gia cần dùng phương thức hòa bình để giải quyết các tranh chấp.

CHƯƠNG 2
NHỮNG THÁCH THỨC ĐỐI VỚI AN NINH KHU VỰC ĐÔNG NAM Á TRƯỚC CHIẾN LƯỢC "TRỖI DẬY HÒA BÌNH" CỦA TRUNG QUỐC

2.1. Một số vấn đề an ninh tại khu vực Đông Nam Á đầu thế kỉ XXI

2.1.1 Cạnh tranh năng lượng và biến đổi khí hậu

Đối với các nước Đông Nam Á, sức ép về an ninh năng lượng không phải là vấn đề bức xúc như ở Trung Quốc, Ấn Độ hay Nhật Bản, nhưng đây cũng là một vấn đề nhạy cảm bởi cuộc chiến về năng lượng, nhất là về dầu mỏ đang leo thang trên quy mô toàn cầu. Sự bùng nổ của các nền kinh tế, nhất là ở Trung Quốc và Ấn Độ, cũng như sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là các nhiên liệu như dầu mỏ, khí đốt, than đá và nguồn nước ngọt dùng cho thuỷ điện cũng như tham vọng kiểm soát địa chính trị dầu mỏ của các nước lớn, trong đó có Mỹ đã và đang muốn hút Đông Nam Á vào vòng xoáy cạnh tranh năng lượng, kể cả năng lượng hạt nhân. Thêm vào đó, nhu cầu gia tăng nguồn năng lượng bổ sung cho quả trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tiện nghi của người dân Đông Nam Á đang lên cao cũng nảy sinh những vấn đề mới trong cạnh tranh năng lượng.

2.1.2. Khủng bố bạo lực và ly khai dân tộc

Hiện nay, nạn khủng bố khủng bố bạo lực và phong trào ly khai dân tộc ở Đông Nam Á có phần dịu hơn và được kiểm soát tốt hơn so với nhiều khu vực khác trên thế giới, nhưng nguy cơ bất ổn còn rất cao, có thể bất cứ lúc nào bùng nổ xung đột. Nếu như không có những chính sách, biện pháp thích hợp, cơ bản và đồng bộ hơn, đặc biệt là quan tâm đến sự phát triển của tộc người thiểu số vùng sâu, vùng xa, dành cho họ vị trí xứng đáng trong đời sống kinh tế-xã hội, chính trị và tôn trọng nền văn hóa truyền thống của họ như mọi nền văn hoá khác thì tình trạng khủng bố bạo lực và ly khai dân tộc vẫn là tiếp tục diễn ra. Các thế lực chính trị cực đoan luôn sử dụng "lỗ hổng" về bất bình đẳng xã hội và khác biệt về văn hoá để mưu cầu lợi ích riêng của họ, gây mất ổn định xã hội và quốc gia-dân tộc. Điều này đã và đang tác động sâu sắc đến các vấn đề của quốc tế, trước hết là đến hợp tác an ninh và ngoại giao.

2.1.3. Gia tăng tranh chấp chủ quyền lãnh hải

Sự lo ngại về an ninh bởi những hành động cứng rắn đòi chủ quyền của các bên, nhất là từ phía Trung Quốc ở Biển Đông, các nước ASEAN từ đầu thập niên 90 của thế kỷ trước đã có những nỗ lực tập thể, tạo ra các định chế nhằm góp phần hòa giải mâu thuẫn, ngăn ngừa xung đột leo thang tại vùng biển này.Ngoài tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông, giữa các nước Đông Nam Á với nhau cũng tồn tại nhiều tranh chấp chủ quyền các vùng biên giới giữa các nước ASEAN với nhau. Trong bối cảnh khan hiếm vế nguồn tài nguyên thiên nhiên và chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi cũng như sự can thiệp, "chia để trị" của các thế lực bên ngoài, nhất là từ các nước lớn và tính thiếu đoàn kết trong ASEAN thì tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông vẫn chứa đựng nguy cơ bùng nổ xung đột bất cứ lúc nào.

2.1.4. Chạy đua vũ trang và gia tăng tập trận chung

Vấn đề chạy đua vũ trang đã và đang trở nên nhạy cảm hơn đối với thế giới nói chung, Đông Nam Á nói riêng trong thập niên gần đây. Nhằm để đối phó với bất ổn gia tăng như xung đột tôn giáo, sắc tộc, ly khai, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên thiên nhiên, nhất là trên các vùng biển, hầu hết các quốc gia Đông Nam Á đã gia tăng ngân sách quốc phòng, mua sắm vũ khí hiện đại, tiến hành nhiều cuộc tập trận với quy mô lớn, có nhiều đối tác tham gia. Hơn nữa, bởi nằm ở khu vực địa chính trị nhạy cảm, nhiều quốc gia nằm trải dài dọc theo Eo biển Malacca- tuyến thương mại đường biển huyết mạch chính của thế giới và liên quan đến khu vực biển Đông, nơi có nhiều tranh chấp và giàu tài nguyên thiên nhiên, nhất là dầu khí, nên các cường quốc trên thế giới thường chú ý nhiều đến Đông Nam Á. Những lý do trên làm tăng tính nhạy cảm về an ninh, trong đó có việc tăng nhanh ngân sách quốc phòng và tăng cường tập trận quân sự trên biển giữa các bên liên quan trong những năm gần đây.

2.2. Vị trí của Đông Nam Á trong chiến lược đối ngoại của Trung Quốc

Thứ nhất, Đông Nam Á có tầm quan trọng đặc biệt, có vị trí mang tính "yết hầu" trong việc triển khai chiến lược tổng thể của Trung Quốc. *Thứ hai*, khu vực Đông Nam Á có vai trò quan trọng giống như "bàn đạp" hay "địa bàn thử nghiệm" trong việc triển khai chiến lược tổng thể của Trung Quốc hiện nay. Về mặt chiến lược, Đông Nam Á là khu vực có thể giúp cho Trung Quốc thực hiện mục tiêu xây dựng cường quốc Biển. Về mặt chính trị - ngoại giao, Đông Nam Á có thể giúp Trung Quốc thực hiện thành công chiến lược "ngoại giao láng giềng", giảm bớt sự nghi ngờ đối với sự trỗi dậy của Trung Quốc và gia tăng sự ủng hộ đối với các sáng kiến của Bắc

Kinh, nhất trong việc xây dựng các mô hình hợp tác khu vực. Trong lĩnh vực kinh tế, Đông Nam Á giúp Trung Quốc đẩy mạnh hơn các chiến lược hợp tác kinh tế khu vực. Nhằm tạo dựng sân chơi mới ở khu vực châu Á – TBD. trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh, Đông Nam Á là khu vực có thể giúp Trung Quốc thực hiện đảm bảo môi trường an ninh xung quanh ở phía Nam, ngăn chặn và đẩy lùi sự bao vây của Mỹ từ khu vực này, đảm bảo các lợi ích của Bắc Kinh ở khu vực này, nhất là an ninh kinh tế. Trong lĩnh vực gia tăng ảnh hưởng mềm, Đông Nam Á có thể giúp cho Trung Quốc thực hiện chiến lược phổ biến các giá trị Trung Hoa, phổ biến mô hình "đồng thuận Bắc Kinh".

2.3. Đông Nam Á trước sự trỗi dậy của Trung Quốc

Trong cách nhìn của các nước ASEAN, sự trỗi dậy của Trung Quốc vừa tạo cơ hội cho sự phát triển của Đông Nam Á nói chung, các quốc gia trong khu vực này nói riêng, vừa gây nên những thách thức lớn cho khu vực.

2.3.1. Cơ hội phát triển đối với Đông Nam Á

Về kinh tế, sự trỗi dậy về kinh tế của Trung Quốc, nhìn chung, được ASEAN và các nước thành viên xem là cơ hội phát triển cho các nền kinh tế Đông Nam Á. Trung Quốc 4 năm liền trở thành đối tác thương mại lớn nhất của ASEAN, kim ngạch thương mại giữa ASEAN-Trung Quốc chiếm 14% tổng kim ngạch ngoại thương ASEAN, ASEAN 3 năm liền trở thành đối tác thương mại lớn thứ 3, thị trường xuất khẩu lớn thứ 4 và nguồn nhập khẩu lớn thứ 2 của Trung Quốc. Về chính trị và an ninh - quân sự, Ngoại giao Trung Quốc xác định, Trung Quốc muốn thể hiện với tư cách là người sáng tạo, cùng tham gia quá trình sáng tạo thế giới. Nói cách khác, Trung Quốc khẳng định hình ảnh là một nước có trách nhiệm, đáng tin cậy, tích cực tham gia chấn chỉnh trật tự thế giới và xây dựng hệ thống

quốc tế, gánh vác nhiều trách nhiệm quốc tế hơn nữa. Đối với khu vực ASEAN, Trung Quốc thể hiện rõ quan điểm rằng: Các nước đang phát triển là đối tác ngoại giao chính của Trung Quốc, bởi vì Trung Quốc cũng là một quốc gia đang phát triển. Trung Quốc cần đến thế giới thứ ba và thế giới thứ ba cũng cần đến Trung Quốc.

2.3.2. Thách thức đối với sự phát triển của Đông Nam Á

Thứ nhất, sự trỗi dậy của Trung Quốc đe dọa đến sự phát triển kinh tế của các nước xung quanh được thể hiện ở chỗ sự trỗi dậy của Trung Quốc tạo điều kiện cho nước này cạnh tranh FDI, xuất khẩu và sản xuất với các nước xung quanh. *Thứ hai*, đối với tác động tới chính trị quốc tế ở khu vực, Trung Quốc coi ASEAN vừa là một cơ chế quan trọng để Trung Quốc khẳng định vai trò quốc tế ở khu vực. Bên cạnh đó, Trung Quốc luôn ra sức tác động, lôi kéo riêng rẽ từng nước liên quan nhằm phá vỡ sự đoàn kết của ASEAN trong một số vấn đề như Biển Đông. Trung Quốc chủ trương tránh đối đầu với một ASEAN thống nhất về bất cứ vấn đề nào liên quan tới vấn đề Biển Đông và tiếp tục xác định đối thoại song phương giữa Trung Quốc và từng nước ASEAN có liên quan. *Thứ ba*, việc Trung Quốc đang ngày càng phát triển mạnh mẽ không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà còn cả trong lĩnh vực quân sự, khoa học khiến cho các quốc gia khác cảm thấy e ngại và gây nên tình trạng chạy đua vũ trang trong khu vực. *Thứ tư*, sự trỗi dậy của Trung Quốc có tác động mạnh mẽ đến cân bằng lực lượng tại khu vực Đông Nam Á. Chính sách của Trung Quốc đối với ASEAN sau chiến tranh lạnh còn bộc lộ rõ tính hai mặt. Một mặt, Trung Quốc thúc đẩy quan hệ hợp tác và thân thiện nhằm tạo một khu vực hòa bình và ổn định. Mặt khác, Trung Quốc tận dụng mọi cơ hội để mở rộng tầm ảnh hưởng của mình trong khu vực.

2.4. Phương hướng và thực tiễn Trung Quốc triển khai điều chỉnh chiến lược đối ngoại đối với Đông Nam Á

Thứ nhất, Trung Quốc đẩy mạnh "tấn công ngoại giao" cấp cao với khu vực Đông Nam Á trong bối cảnh ảnh hưởng của Trung Quốc đối với khu vực ngày càng bị đe doạ bởi sự gia tăng ảnh hưởng của Mỹ. *Thứ hai*, Trung Quốc thúc đẩy mạnh mẽ hơn chiến lược "ngoại giao kinh tế" hay "ngoại giao quà tặng" đối với khu vực Đông Nam Á. *Thứ ba*, Trung Quốc gia tăng thay đổi hiện trạng tranh chấp Biển Đông, và đẩy mạnh việc lôi kéo các nước trong khu vực, nhất là những quốc gia không có tranh chấp chủ quyền biển với Trung Quốc, ủng hộ lập trường của Bắc Kinh. Đồng thời, Trung Quốc cũng ra sức tìm cách giảm bớt sự can thiệp từ bên ngoài đối với các tranh chấp Biển Đông, nhất là sự can dự của Mỹ và các nước đồng minh. *Thứ tư*, Trung Quốc đẩy mạnh hoạt động ngoại giao nhân dân nhằm xây dựng hình ảnh mới ở Đông Nam Á.

CHƯƠNG 3
CHIỀU HƯỚNG TÁC ĐỘNG CỦA CHIẾN LƯỢC "TRỖI DẬY HÒA BÌNH" ĐỐI VỚI KHU VỰC VÀ VIỆT NAM TRONG TƯƠNG LAI

3.1. Quá trình triển khai chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với khu vực Đông Nam Á sau Đại hội XVIII

3.1.1. Một số điều chỉnh chính sách của Trung Quốc đối với ASEAN

Chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với Đông Nam Á sau Đại hội 18 về cơ bản là sự tiếp nối chính sách trước đó của Trung Quốc. Chính sách đối ngoại này không có điều chỉnh lớn so với các kì Đại hội trước đó, tuy nhiên đang có dấu hiện chuyển từ "giấu mình

chờ thời" của Đặng Tiểu Bình trước đây sang "ngoại giao nước lớn", chú trọng hơn những mục tiêu chiến lược lâu dài của Trung Quốc, thể hiện rõ hơn vai trò và vị trí của Trung Quốc, mang tính thực dụng cao hơn, căn cứ nhiều hơn vào lợi ích dân tộc, chủ động và quyết đoán hơn trong việc triển khai chính sách ngoại giao nước lớn để thích nghi với tình hình mới. Trung Quốc khẳng định tiếp tục coi trọng quan hệ với các nước láng giềng và các nước ASEAN, coi ASEAN là một trong những ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc, ủng hộ ASEAN phát huy vai trò trung tâm và ngày càng có nhiều đóng góp quan trọng ở khu vực và quốc tế.

3.1.2. Nguyên nhân điều chỉnh chính sách

Mặc dù khi lên cầm quyền, lãnh đạo mới của Trung Quốc là Tập Cận Bình và Lý Khắc Cường được hưởng nhiều thuận lợi từ thành công nhiều mặt của cải cách kinh tế nước này trong hơn 35 năm qua, từ vị thế của một nền kinh tế lớn thứ hai thế giới và địa vị quốc tế của một cường quốc, nhưng Trung Quốc cũng đang gặp phải những khó khăn và thách thức có thể nói là lớn nhất, nghiêm trọng nhất cả về đối nội lẫn đối ngoại kể từ khi nước này tiến hành cải cách và mở cửa năm 1978 đến nay.

Có ba nhóm nguyên nhân chính, trực tiếp dẫn đến sự điều chỉnh chính sách của Trung Quốc từ sau Đại hội 18 đến nay. Thứ nhất, các vấn đề và thách thức đối nội của Trung Quốc hiện quá lớn và Trung Quốc rất cần môi trường hòa bình, ổn định bên ngoài hơn bao giờ hết cho giấc mộng Phục hưng Trung Hoa; Thứ hai, chính sách quyết đoán, cứng rắn của Trung Quốc trong quan hệ với các nước láng giềng, đặc biệt trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến tranh chấp lãnh thổ, kể từ năm 2008 đến đầu năm 2015 đã gây ra hàng loạt vấn đề tiêu cực trong quan hệ giữa Trung Quốc với các nước. Thứ ba,

sự cứng rắn của Trung Quốc lại càng làm cho các nước ASEAN gắn kết với nhau hơn nữa để đối phó với các nguy cơ từ phía Trung Quốc. Mặc dù còn có những ý kiến khác nhau và có những chia rẽ nhất định, nhưng nhìn chung trong giai đoạn từ 2008 đến nay sự nhất trí trong ASEAN về các nguyên tắc cơ bản (các văn kiện của ASEAN; nguyên tắc 6 điểm của ASEAN về vấn đề Biển Đông tháng 7/2012). Thứ tư, Quan hệ căng thẳng với ASEAN khiến Trung Quốc không thể thúc đẩy việc khai thác chung với các nước khu vực, một điều mà Trung Quốc tìm mọi cách thúc đẩy nhưng không đạt được kết quả từ đầu những năm 1990.

3.1.3. Chính sách ngoại giao láng giềng

3.1.3.1. Định hướng chính sách

Mặc dù có một số điều chỉnh đối với ưu tiên trong chính sách ngoại giao láng giềng nhưng chính sách đối ngoại của Trung Quốc được thông qua tại Đại hội 18 về cơ bản vẫn theo mạch xuyên suốt, nhất quán đó là tranh thủ thời cơ chiến lược trong những năm đầu thế kỷ XXI để thực hiện những mục tiêu đưa Trung Quốc vươn lên trở thành cường quốc thế giới và phục hưng Trung Hoa. Từ những điều chỉnh này, Trung Quốc đã đề xuất bảy định hướng lớn trong triển khai chính sách ngoại giao láng giềng và được chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình khái quát tại Hội nghị công tác ngoại giao láng giềng. Bên cạnh đó, quan hệ kinh tế được xem là trọng tâm trong chính sách của Trung Quốc đối với Đông Nam Á từ trước tới giờ. Hợp tác kinh tế không chỉ phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế của Trung Quốc, mà còn phục vụ cho mục đích chính trị của Trung Quốc là dùng kinh tế làm nền tảng để thúc đẩy sự tin cậy lẫn nhau, tạo điều kiện giải quyết tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông. Trong tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông, Trung Quốc vẫn tỏ ra không khoan nhượng cả

trong lập trường lẫn ứng xử trên thực tế. Sau Đại hội 18, Trung Quốc có một số điều chỉnh nội bộ: cải tổ Quốc vụ viện, tái cơ cấu Cục Hải dương Trung Quốc, điều này cho thấy rõ Trung Quốc đặc biệt coi trọng và tỏ ra kiên quyết hơn, cứng rắn hơn trong việc giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ nhằm bảo vệ các "lợi ích cốt lõi" của mình. Trong vấn đề Biển Đông, Trung Quốc đã dần bộc lộ bản chất thực sự chứ không còn theo chủ trương "giấu mình chờ thời" nữa.

3.1.3.2 Một số bước đi cụ thể

Trung Quốc tiến hành nhiều chuyến thăm cấp cao tới khu vực từ cấp Ngoại trưởng trở lên. *Thứ hai*, Trung Quốc triển khai nhiều sáng kiến, bước đi mạnh bạo, hỗ trợ ASEAN nhiều hơn về kinh tế, tăng cường kết nối, thúc đẩy quan hệ song phương, cụ thể là: (i) Lập quỹ phát triển hạ tầng ASEAN; (ii) Cam kết nâng thương mại hai chiều Trung Quốc-ASEAN từ 400 tỷ USD năm 2012 lên 1000 tỷ USD vào năm 2020. Ba là, điều chỉnh chính sách của Trung Quốc trong vấn đề Biển Đông nhấn mạnh vào việc xây dựng hình ảnh của Trung Quốc như một quốc gia tôn trọng luật pháp quốc tế, giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình, cùng thắng, cùng có lợi, thúc đẩy hợp tác an ninh hàng hải với ASEAN và các nước liên quan. Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là sự mềm dẻo trong thái độ của Trung Quốc chủ yếu mới chỉ ở trên lời nói, còn trong ứng xử và hành động thì vẫn rất cứng rắn, kiên quyết và không tỏ ra khoan nhượng

3.2. Xu thế quan hệ Trung Quốc – ASEAN trong những năm tới

Xu thế quan hệ Trung Quốc – ASEAN trong một vài năm tới có thể nhìn nhận từ một số phương diện sau:

Một là, hoạt động cải tạo đảo của Trung Quốc ở Biển Đông không phải là hoạt động mang tính chiến thuật của một vài năm, mà nó là chiến lược dài dài hạn của Trung Quốc đối với việc kiểm soát

khu vực Biển Đông, cũng như đối với chiến lược xây dựng cường quốc biển của Bắc Kinh. *Hai là*, nền kinh tế Trung Quốc đang giảm tốc mạnh, kinh tế nước này phải đối diện với nhiều thách thức lớn, cho nên việc tăng cường các vấn đề liên quan đến chủ quyền lãnh thổ nhằm gia tăng chủ nghĩa dân tộc và thúc đẩy chiến lược khu vực sẽ có tác dụng giảm bớt những sức ép trong nước đối với những khó khăn của kinh tế nước này. Ba là, đây là năm đầu tiên khi Trung Quốc khi Ngân hàng Đầu tư Cơ sở Hạ tầng Á châu (AIIB) đi vào hoạt động, điều này cho phép Trung Quốc có thêm điều kiện thuận lợi hơn để đẩy mạnh chiến lược "con đường tơ lụa trên biển thế kỷ XXI". *Bốn là*, trước việc Mỹ đạt được thỏa thuận TPP với các nước, nhất là với một số quốc gia Đông Nam Á, điều này khiến cho Trung Quốc cảm thấy lo ngại và lẽ dĩ nhiên Trung Quốc sẽ không ngồi yên mà đẩy mạnh các sáng kiến hợp tác khu vực của mình để có thể cạnh tranh với sự gia tăng ảnh hưởng ngày càng sâu của Mỹ đối với khu vực. Năm là, 2016 là năm đầu tiên ASEAN hoạt động với tư cách là Cộng đồng, các nước sẽ tập trung nhiều hơn vào việc thực hiện những cam kết của AC, đồng thời đây cũng là năm Lào – một quốc gia đang chịu sự gia tăng ảnh hưởng một cách mạnh mẽ của Trung Quốc, đảm nhiệm vai trò chủ tịch luân phiên ASEAN, điều đó giống như một sự "bảo đảm" nào đó đối với Trung Quốc rằng ASEAN khó có thể có những bước tiến lớn trong việc thúc ép Trung Quốc phải dừng lại các hoạt động ở Biển Đông, tuân thủ DOC và ngồi vào bàn đàm phán với ASEAN về COC.

3.3. Vị trí của Việt Nam trong chiến lược đối ngoại của Trung Quốc đối với ASEAN

Cải thiện quan hệ với Việt Nam xuất phát từ một trong những nhu cầu quan trọng của Trung Quốc là muốn xây dựng một môi

trường hòa bình ổn định trong khu vực, nhất là vùng biên giới phía Nam nhằm tạo điều kiện phát triển kinh tế đồng thời giúp giảm thiểu tác động bao vây kiềm chế của phương Tây. Thông qua Việt Nam, Trung Quốc cũng muốn tăng cường vai trò, ảnh hưởng của mình đối với khu vực ASEAN và hình ảnh của mình trong khu vực. Mặt khác, do có cùng ý thức hệ và chế độ chính trị, việc hợp tác với Việt Nam sẽ giúp tăng thêm tiếng nói chung trong một số vấn đề quốc tế và khu vực mà hai bên cùng quan tâm (dân chủ, nhân quyền, ly khai, tôn giáo, can thiệp công việc nội bộ. . .) nên Trung Quốc sẽ tiếp tục coi trọng phát triển quan hệ mọi mặt, nhất là quan hệ chính trị với Việt Nam.

Một số nhận xét:

Do chưa nhìn thấy kỹ và đánh giá đầy đủ bản chất chính sách của Trung Quốc đối với Việt Nam, tính hai mặt trong chính sách của Trung Quốc đối với Việt Nam nên nhiều bước đi, cách làm của Việt Nam đã có những hệ quả không nhỏ trong việc xử lý quan hệ với Trung Quốc sau này. *Thứ nhất*, trong vấn đề tranh chấp Biển Đảo, Việt Nam để Trung Quốc lấn từng bước và gây sức ép quá lâu trong khi Việt Nam lại không nêu vấn đề này một cách công khai để tập hợp dư luận trong nước và quốc tế để đối phó lại với các sức ép của Trung Quốc. *Thứ hai*, quan hệ kinh tế phát triển nhanh nhưng Việt Nam lại không tận dụng cơ hội để xây dựng các ngành công nghiệp phụ trợ. Kết quả là thương mại tăng nhanh, nhưng tốc độ thâm hụt thương mại còn tăng nhanh hơn. *Thứ ba*, trong quan hệ chính trị, Việt Nam bị Trung Quốc dùng các câu chữ như đại cục phương châm 16 chữ, 4 tốt…làm công cụ để chặn, khiến Việt Nam gặp khó khăn trong việc nêu các bất đồng, khác biệt với Trung Quốc.

3.4. Tác động của sự trỗi dậy của Trung Quốc đối với Việt Nam

3.4.1. Nhân tố thúc đẩy:

Một là, xét về mặt địa lý, Việt Nam là láng giềng gần gũi của Trung Quốc. Việt Nam đóng vai trò cầu nối quan trọng trong quan hệ giữa Trung Quốc với các nước Đông Nam Á. *Hai là,* sự gắn kết nền văn hóa của hai dân tộc mang tính truyền thống lâu đời. *Ba là,* do có lịch sử quan hệ lâu dài nên hai Đảng chia sẻ nhiều điểm tương đồng trong quan điểm. Chính vì vậy nên đã tạo ra nhiều yếu tố thuận lợi cơ bản cho cả hai bên trong việc thúc đẩy quan hệ song phương. *Bốn là,* xuất phát từ nhu cầu cấp bách phát triển của mỗi nước. Thời kỳ cải cách đổi mới và mở cửa đã trở thành nhân tố quan trọng trong quá trình phát triển và đi lên của mỗi nước.

3.4.2. Nhân tố hạn chế:

Một là, Trung Quốc luôn tuyên truyền về "trỗi dậy hòa bình" và trên thực tế đã thực hiện nhiều biện pháp trên mọi lĩnh vực: chính trị, kinh tế, an ninh – quốc phòng, văn hóa … để giành được cảm tình của nhiều nước trong khu vực. Hai là, với quan hệ chính trị, kinh tế, xã hội gắn bó, Việt Nam và Trung Quốc có mối quan hệ mật thiết với nhau. Tuy nhiên, việc Việt Nam thực hiện đường lối ngoại giao đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ, làm bạn với tất cả các nước đã làm cho Trung Quốc trong chừng mực nào đó không còn lợi thế được ưu tiên "độc quyền" như trước. *Ba là,* với sự hấp dẫn của mình về vị trí địa – chiến lược và phát triển kinh tế, các nước lớn ngày càng quan tâm đến Việt Nam. Sự cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn ở Việt Nam tăng lên đã có ảnh hưởng tới mức độ lan tỏa ảnh hưởng của Trung Quốc.

3.5. Một số đề xuất chính sách cho Việt Nam trước sự trỗi dậy của Trung Quốc

Thứ nhất, Việt Nam cần nghiên cứu kỹ các điểm mạnh, yếu của Trung Quốc. Trước hết, cần khai thác triệt để sự trỗi dậy của Trung Quốc, đặc biệt là về kinh tế, để tăng cường nội lực của Việt Nam.

Thứ hai, Trung Quốc tuy lớn mạnh nhưng không phải muốn làm gì cũng được, mà có những điểm yếu mà Việt Nam cần phải vạch ra cho Trung Quốc và các nước khác thấy để ngăn cản các bước đi quá đà của Trung Quốc.

Thứ ba, cần xây dựng và củng cố các cơ chế giữ quan hệ Việt Trung cân bằng và ổn định, đặc biệt là cơ chế xử lý khủng hoảng.

Thứ tư, do chưa thể chắc chắn về hành động của Trung Quốc trong tranh chấp tại Biển Đông trong thời gian tới (mặc dù mục tiêu lâu dài và chiến lược của Trung Quốc trong việc khống chế Biển Đông là không thay đổi), nên Việt Nam cần phải có phương án đối phó với tất cả các tình huống xấu nhất có thể xảy ra.

KẾT LUẬN

Có thể thấy rằng quá trình triển khai chiến lược "trỗi dậy hòa bình" của Trung Quốc là một công cuộc phát triển vươn lên của đất nước này với mục tiêu trở thành một cường quốc hàng đầu trên thế giới trên mọi lĩnh vực. Vì lợi ích quốc gia dân tộc, vì mưu đồ nước lớn, cho nên nội dung của chiến lược này được triển khai thông qua các mặt: chính trị, kinh tế, quân sự-an ninh, đối ngoại, văn hóa tư tưởng. . . Đặc biệt trên góc độ thực thi đường lối đối ngoại của Trung Quốc, mục tiêu nước lớn đã được thể hiện một cách nổi trội nhất.

Thực tế cho thấy tham vọng vươn lên làm bá chủ thế giới của Trung Quốc có cội nguồn từ sâu xa, trong lịch sử phát triển của các triều đại phong kiến với những học thuyết thông qua trào lưu tư tưởng Nho giáo, tiếp đó là những tư tưởng cách tân trong thời cận hiện đại. Mục tiêu xuyên suốt của chiến lược này là đưa Trung Quốc trở thành nước lớn hàng đầu và có địa vị "bá chủ" thế giới còn phương thức trỗi dậy "hòa bình" hay "không hòa bình" chỉ là cách thức để đạt mục tiêu đó. Đối với Việt Nam, điều quan trọng trong bối cảnh hiện nay đó là chúng ta cần tranh thủ các nhân tố thuận lợi để bảo đảm lợi ích quốc gia, đồng thời ngăn ngừa, giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực từ sự trỗi dậy này, dưới góc nhìn mang tính chiến lược dài hạn, tránh các tâm lý dân tộc cực đoan; không nên để bị rơi vào tình thế "đối đầu' hoặc "cản trở" con đường đi lên của "siêu cường" này. Đây là sự lựa chọn mang tính chiến lược trong công tác đối ngoại của Việt Nam trong bối cảnh quốc tế và khu vực vào thời điểm hiện nay.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ

1. Lưu Việt Hà (2014), *Nhân tố ASEAN trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc đầu thế kỉ XXI*, Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế, số 1, tr. 199-214
2. Lưu Việt Hà (2014), *Quan hệ Mỹ - Trung Quốc: những tác động đến khu vực Đông Nam Á*, Tạp chí Khoa học và Chiến lược, số 10, tr.40-43.
3. Lưu Việt Hà (2015), *Sự trỗi dậy của Trung Quốc và những tác động đối với ASEAN*, Tạp chí Đối ngoại, số 1+2, tr. 65-68.
4. Lưu Việt Hà (2015), *Về quan hệ Trung Quốc – ASEAN từ sau chiến tranh lạnh đến nay*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 8, tr. 105-108.
5. Lưu Việt Hà (2016), *Chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc sau Đại hội XVIII*, Tạp chí Giáo dục lý luận, số 242, tr.94-96.